



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494
Website: www.vae.com.vn

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 6294 1117/6252 1818 Fax: 08. 6294 1119

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 3875 9477

Fax: (84-4) 3875 9476

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	06 - 07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	08 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	13 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Armephaco trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần ARMEPHACO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dược và Thiết bị y tế Quân đội được thành lập theo quyết định số 1436/QĐ-QP ngày 12/08/1996 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110974 ngày 21/08/1996 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 1183/QĐ-BQP ngày 15/04/2010 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0100109191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/06/2010. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0100109191 ngày 18/09/2012 thì vốn điều lệ của Công ty là **130.000.000.000 đồng** (Một trăm ba mươi tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Các đơn vị thành viên của Công ty

Tên đơn vị	Địa chỉ
1 CN Công ty CP Armephaco - Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	Số 118A Vũ Xuân Thiều, Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội
2 CN Công ty CP Armephaco - Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	Xã Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội
3 CN Công ty CP Armephaco - Xí nghiệp Dược phẩm 150 (COPHAVINA)	Số 112 Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Q1, TP HCM
4 Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	112 Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Q. 1, TP HCM
5 CN Công ty CP Armephaco - Trung tâm kỹ thuật trang thiết bị y tế	Số 8 Phạm Đình Hồ, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
6 Chi nhánh Hà Nội	Số 8 Tăng Bạt Hồ, P Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
7 Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q Hải Châu, Đà Nẵng
8 Chi nhánh tại thành phố Pleiku, Gia Lai	Số 148A Hai Bà Trưng, P Yên Đỗ, tp Pleiku, Gia Lai
9 Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	KĐT mới Hưng Phú, P. Hưng Thạnh, Q. Cái Răng, Cần Thơ
10 Chi nhánh thành phố Hải Phòng	Số 275 Lạch Tray, P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
11 Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	134/1 Tô Hiến Thành, P15, Q10, TP Hồ Chí Minh
12 Chi nhánh tại Thành phố Vinh, Nghệ An	Số 43, đường Thái Phiên, P. Hồng Sơn, TP Vinh
13 Văn phòng đại diện tại tp Hồ Chí Minh	Số 334 Tô Hiến Thành, P14, Q10, TP Hồ Chí Minh

Công ty chưa đăng ký là Công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium); Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm)
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (trừ hóa chất Nhà nước cấm)
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết:
Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
- Xây dựng nhà các loại; Thoát nước và xử lý nước thải
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật; Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải; Thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Doanh nghiệp bán buôn thuốc; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục nghề nghiệp; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm); Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm)
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Thu nhập các sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ các loại Nhà nước cấm); Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn đồ uống; Bán buôn thực phẩm;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sản xuất khác (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế; nha khoa; Chính hình và hồi phục chức năng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất thực phẩm khác (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Phòng khám đa khoa.
- Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc;
- Sản xuất, kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình: dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kiến trúc công trình;
- Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Chương	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó chủ tịch
Ông Đỗ Chi	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Bé	Ủy viên
Ông Bùi Viết Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Dương	Ủy viên
Ông Hoàng Cao Phong	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng giám đốc
Ông Đỗ Chi	Phó Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Văn Bé	Phó Tổng giám đốc
Ông Dương Đình Sơn	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/9/2012)
Ông Đỗ Đức Thịnh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/9/2012)

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO



Nguyễn Văn Dũng

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012
của Công ty Cổ phần Armephaco

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Armephaco

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tổng hợp gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2012 được lập ngày 27 tháng 02 năm 2012 của Công ty Cổ phần Armephaco (gọi tắt là "Công ty") từ trang 08 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết. Các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn phạm vi kiểm toán

- Công ty chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái đối với số dư công nợ phải trả người cung cấp và trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2012 là chưa phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán này cũng không đem lại cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về số dư công nợ phải thu và phải trả tại thời điểm ngày 31/12/2012.
- Công ty chưa thực hiện hạch toán chi phí quản lý của các xí nghiệp và chi nhánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Các khoản chi phí này đang được Công ty theo dõi trên TK142 - Chi phí trả trước ngắn hạn với tổng số tiền là 2.204.358.055 đồng. Theo đó, bất kỳ sự điều chỉnh nào liên quan cũng ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 của Công ty.
- Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, Công ty chưa loại trừ triệt để các giao dịch nội bộ nên giá trị hàng tồn kho cuối kỳ của Công ty vẫn bao gồm lãi nội bộ.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính 2012:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý người sử dụng báo cáo

- Công ty chưa thực hiện đăng ký là Công ty đại chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước là chưa phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 của Luật Chứng khoán.
- Công ty ghi nhận cổ tức được chia dựa trên kết quả kinh doanh của bên nhận đầu tư và tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các đơn vị này. Khi có thông báo chia cổ tức chính thức, công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phần chênh lệch vào báo cáo kết quả kinh doanh của năm nhận được thông báo.
- Theo thông báo số 114/TB-ARM ngày 22/1/2013 về việc thu tiền thuê đất Quốc phòng năm 2011, 2012 với tổng số tiền là 8.678.0231.260 đồng, tuy nhiên Công ty vẫn chưa hạch toán đầy đủ chi thuê đất trên, số chi phí còn phải hạch toán là 4.339.010.630 đồng.
- Công ty chưa thực hiện quyết toán quỹ lương năm 2012, theo đó chi phí tiền lương thực tế có thể thay đổi khi quyết toán.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Armephaco giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Dương Thúy Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1213/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		617.415.371.821	544.675.192.475
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		72.277.090.868	89.946.053.156
1 Tiền	111	V.1.	72.277.090.868	89.946.053.156
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	-	144.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	144.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		366.750.086.592	300.279.282.045
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.3.1	318.484.351.865	207.742.306.109
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.3.2	34.313.461.085	82.087.498.237
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	13.952.273.642	10.449.477.699
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		147.319.046.833	128.513.961.270
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	147.319.046.833	128.513.961.270
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		31.069.147.528	25.791.896.004
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.874.628.015	4.148.141.664
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.708.814.003	4.909.467.032
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10.	-	280.369.198
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.3	14.485.705.510	16.453.918.110
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		122.971.515.577	120.055.286.718
II Tài sản cố định	220		101.314.210.306	97.576.412.187
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	100.203.515.582	97.197.624.295
- Nguyên giá	222		164.146.398.639	153.904.467.612
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.942.883.057)	(56.706.843.317)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	1.110.694.724	378.787.892
- Nguyên giá	228		1.459.179.546	545.454.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(348.484.822)	(166.666.654)
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7.	20.469.488.791	20.469.488.791
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.447.488.791	20.447.488.791
3 Đầu tư dài hạn khác	258		22.000.000	22.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		1.187.816.480	2.009.385.740
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	1.187.816.480	2.009.385.740
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		740.386.887.398	664.730.479.193

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		595.532.550.317	515.744.594.685
I Nợ ngắn hạn	310		593.078.098.317	511.986.232.768
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	150.810.437.705	89.452.060.132
2 Phải trả người bán	312	VIII.3.4	257.462.286.495	180.348.471.489
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.5	69.044.069.746	125.585.541.154
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	3.545.939.851	4.519.693.907
5 Phải trả người lao động	315		4.252.764.290	2.062.569.696
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	582.697.529	769.926.136
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	107.379.902.701	109.247.970.254
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II Nợ dài hạn	330		2.454.452.000	3.758.361.917
3 Phải trả dài hạn khác	333	VIII.1.6	2.234.452.000	2.234.452.000
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.523.909.917
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		220.000.000	-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		144.854.337.081	148.985.884.508
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	144.757.505.453	148.834.960.314
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		1.964.949.670	428.556.121
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.987.838.811	428.556.121
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.504.716.972	17.977.848.072
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		300.000.000	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		96.831.628	150.924.194
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		96.831.628	150.924.194
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		740.386.887.398	664.730.479.193

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Đào Ngọc Thạch

Bùi Viết Tuấn

Nguyễn Văn Dũng

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội

Tel: (84-4) 3875 9477

Fax: (84-4) 3875 9476

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính 2012

Mẫu số B 01 - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1 Tài sản thuê ngoài			-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4 Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			-	-
5 Ngoại tệ các loại			-	-
USD			3.557,79	1.092.852
EUR			594,34	75.746,57
JPY			0,01	2.609.200,00
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự toán				

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Kế toán tổng hợp



Đào Ngọc Thạch

Kế toán trưởng



Bùi Viết Tuấn

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	893.315.541.407	886.466.363.220
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.15.	1.322.755.756	3.374.062.458
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.16.	891.992.785.651	883.092.300.762
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.17.	833.494.737.667	828.881.122.522
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		58.498.047.984	54.211.178.240
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18.	9.995.323.236	7.329.996.256
7 Chi phí tài chính	22	VI.19.	7.173.667.965	6.121.621.407
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.855.690.163	5.121.642.324
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.3.7	32.819.357.782	21.253.003.401
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.8	16.946.823.462	11.614.731.808
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		11.553.522.011	22.551.817.880
11 Thu nhập khác	31	VIII.3.9	250.012.289	182.317.980
12 Chi phí khác	32	VIII.3.10	467.104.664	167.120.949
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(217.092.375)	15.197.031
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.336.429.636	22.567.014.911
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20.	853.904.057	4.476.666.839
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.482.525.579	18.090.348.072
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25.	806	1.392

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Đào Ngọc Thạch

Bùi Viết Tuấn

Nguyễn Văn Dũng

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.118.434.140.553	988.603.521.515
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.155.719.577.538)	(1.041.571.581.477)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(23.142.596.624)	(22.018.059.619)
4 Tiền chi trả lãi vay	04		(5.586.317.686)	(3.737.253.137)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.463.325.875)	(982.505.318)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		32.460.066.820	58.152.259.153
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(34.563.593.815)	(7.810.005.765)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(72.581.204.165)</i>	<i>(29.363.624.648)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TSDH khác	21		(3.359.836.757)	(6.127.530.822)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(83.954.333.030)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		144.000.000	83.810.333.030
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.002.037.494	2.955.908.518
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>786.200.737</i>	<i>(12.415.622.304)</i>
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		294.569.460.130	138.999.799.330
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(233.211.082.557)	(69.547.739.198)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.230.636.250)	(1.579.199.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>54.127.741.323</i>	<i>67.872.860.632</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(17.667.262.105)	26.093.613.680
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		89.946.053.156	63.852.439.476
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.700.183)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	72.277.090.868	89.946.053.156

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Tổng giám đốc

Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng



Đào Ngọc Thạch



Bùi Viết Tuấn



Nguyễn Văn Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2012****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần ARMEPHACO (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dược và Thiết bị y tế Quân đội được thành lập theo quyết định số 1436/QĐ-QP ngày 12/08/1996 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110974 ngày 21/08/1996 do Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo quyết định số 1183/QĐ-BQP ngày 15/04/2010 của Bộ Quốc phòng và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0100109191 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/06/2010. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0100109191 ngày 18/09/2012 thì vốn điều lệ của Công ty là 130.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tỷ đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium); Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất Nhà nước cấm)
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (trừ hóa chất Nhà nước cấm)
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết:
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
- Xây dựng nhà các loại; Thoát nước và xử lý nước thải
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật; Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải; Thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Doanh nghiệp bán buôn thuốc; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục nghề nghiệp; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm); Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Thu gom rác thải độc hại (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Thu nhặt các sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ các loại Nhà nước cấm); Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn đồ uống; Bán buôn thực phẩm;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sản xuất khác (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế; nha khoa; Chính hình và hồi phục chức năng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
(tiếp theo)

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất thực phẩm khác (trừ các loại nhà Nước cấm);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Phòng khám đa khoa.
- Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm
- Sản xuất, kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình: dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kiến trúc công trình;
- Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội
Tel: (84-4) 3875 9477 Fax: (84-4) 3875 9476

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ, nhưng chưa triệt để giá vốn bán hàng nội bộ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế do công ty xây dựng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
(tiếp theo)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

Đối với số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ là EUR, JYP, GBP, SGD, AUD không có công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ thì khi quy đổi thực hiện thông qua tỷ giá của một số đơn vị ngoại tệ chủ yếu mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng tại thời điểm 31/12/2012.

Riêng số dư các khoản công nợ phải trả người bán và trả trước cho người bán có gốc ngoại tệ chưa được công ty đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2012

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho các mặt hàng do công ty bán cho các chi nhánh phản ánh trên báo cáo tài chính tổng hợp chưa được bù trừ lãi nội bộ của Cơ quan Công ty

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng trước.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên

- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
(tiếp theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 09
TSCĐ khác	05 - 08

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền thuê gian hàng Chợ thuốc tại Quận 10, TP Hồ Chí Minh

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình, thời gian khấu hao từ 5 đến 20 năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm cổ phiếu, góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, hoặc ngày góp vốn.

Tại thời điểm 31/12/2012, Báo cáo tài chính các đơn vị nhận đầu tư của Công ty đều có lãi, ngoại trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt. Tuy nhiên, số lỗ trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt là lỗ theo kế hoạch phương án kinh doanh nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính này.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Đối với khoản chi phí trả trước phát sinh cho từng hoạt động sản xuất kinh doanh nào thì được tập hợp và phân bổ cho từng khoản mục sản xuất kinh doanh đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo tiến độ của từng khoản mục sản xuất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
(tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau và trích trước chi phí độc hại và chi phí quảng cáo theo quy định của hợp đồng. Giá trị lãi vay ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế. Giá trị bảo hành sản phẩm được ghi nhận căn cứ vào điều khoản hợp đồng quảng cáo và hợp đồng lao động.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán trang thiết bị ngành y, thuốc chữa bệnh, vật tư, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt, bảo hành bảo trì thiết bị y tế; cho thuê mặt bằng và dịch vụ đào tạo và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, từ cổ tức lợi nhuận được chia.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận căn cứ vào kết quả kinh doanh của bên nhận đầu tư theo tỷ lệ vốn góp. Khi có thông báo chia cổ tức chính thức, Công ty thực hiện điều chỉnh vào kết quả kinh doanh của năm nhận thông báo.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong kỳ và các khoản chi phí tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
(tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn.

12.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với mặt hàng là thiết bị y tế và thuốc chữa bệnh, 10% đối với các loại vật tư, hàng hóa khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<i>Tiền mặt</i>	3.578.080.416	1.318.889.593
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	68.699.010.452	88.627.163.563
Tổng cộng	72.277.090.868	89.946.053.156
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	-	144.000.000
Tổng cộng	-	144.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	635.332.160
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	8.652.060.307	5.308.938.550
Phải thu khác	4.414.431.054	3.067.364.245
<i>Vốn liên kết Xi nghiệp 130</i>	35.000.000	35.000.000
<i>Trợ cấp phục viên một lần</i>	-	2.277.575.857
<i>CCHQ CK Cảng Hải Phòng KVI</i>	337.560.961	-
<i>Thuế GTGT + Thuế TTĐB chờ xử lý</i>	3.874.554.626	712.638.010
<i>Các khoản phải thu khác</i>	167.315.467	42.150.378
<i>Quỹ phúc lợi chi vượt</i>	885.782.281	1.437.842.744
Tổng cộng	13.952.273.642	10.449.477.699
4. Hàng tồn kho	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	1.905.762.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	31.286.312.070	36.086.921.202
Công cụ, dụng cụ	50.274.943	84.955.168
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.469.503.719	6.347.367.268
Thành phẩm	15.041.383.098	13.141.195.747
Hàng hoá	86.531.885.551	46.135.068.357
Hàng gửi đi bán	33.925.452	26.718.453.528
Cộng giá gốc hàng tồn kho	147.319.046.833	128.513.961.270

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
cho năm tài chính 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Địa chỉ: Số 118 - Vũ Xuân Thiều - Long Biên - Hà Nội
Tel: (84-4) 3875 9477 Fax: (84-4) 3875 9476

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
							Cộng	
Nguyên giá								
Số dư ngày 01/01/2012		75.531.252.510	69.218.921.629	6.569.777.055	2.478.179.173	106.337.245		153.904.467.612
Mua trong năm		2.439.746.279	9.267.922.514	1.061.163.636	204.553.582	-		12.973.386.011
Đầu tư XD/CB hoàn thành		-	-	-	-	-		-
Tặng khác		-	-	-	-	-		-
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-		-
Thanh lý, nhượng bán		-	(1.806.178.147)	-	(925.276.837)	-		(2.731.454.984)
Giảm khác		-	-	-	-	-		-
Số dư ngày 31/12/2012		77.970.998.789	76.680.665.996	7.630.940.691	3.608.009.592	106.337.245		164.146.398.639
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư ngày 01/01/2012		25.255.989.418	26.850.372.688	2.751.149.373	1.849.331.838	-		56.706.843.317
Khấu hao trong năm		3.612.116.672	5.766.356.429	300.507.309	256.613.141	31.901.173		9.967.494.724
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-		-
Thanh lý, nhượng bán		-	(1.806.178.147)	-	(925.276.837)	-		(2.731.454.984)
Giảm khác		-	-	-	-	-		-
Số dư ngày 31/12/2012		28.868.106.090	30.810.550.970	3.051.656.682	1.180.668.142	31.901.173		63.942.883.057
Giá trị còn lại								
Tại ngày 01/01/2012		50.275.263.092	42.368.548.941	3.818.627.682	628.847.335	106.337.245		97.197.624.295
Số dư ngày 31/12/2012		49.102.892.699	45.870.115.026	4.579.284.009	2.427.341.450	74.436.072		100.203.515.582

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.184.697.286 đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2012	545.454.546	545.454.546
Mua trong năm	913.725.000	913.725.000
Số dư ngày 31/12/2012	1.459.179.546	1.459.179.546
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2012	166.666.654	166.666.654
Khấu hao trong năm	181.818.168	181.818.168
Số dư ngày 31/12/2012	348.484.822	348.484.822
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2012	378.787.892	378.787.892
Tại ngày 31/12/2012	1.110.694.724	1.110.694.724

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
<i>a- Đầu tư vào công ty con</i>	-	-	-	-
<i>b- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</i>		20.447.488.791		20.447.488.791
Công ty Liên doanh TNHH Bơm tiêm sử dụng một lần dụng cụ y tế (1)		11.347.488.791		11.347.488.791
Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt (2)		9.100.000.000		9.100.000.000

(1) Trong năm Công ty tạm ghi nhận cổ tức lợi nhuận được chia căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh của đơn vị và tỷ lệ cổ phần nắm giữ. Khi có thông báo chia cổ tức chính thức Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào năm sau.

(2) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 379/2011/NQ-HĐQT ngày 02/04/2011, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt bằng tiền mặt chiếm 35% vốn điều lệ tương đương với 9,1 tỷ đồng. Trong đó, Công ty CP Armepharco thực góp 20% tương đương 5,2 tỷ đồng (Bộ Quốc phòng đồng ý cho phép góp 5 tỷ) và ba cá nhân khác góp vốn bằng tiền cá nhân dưới danh nghĩa Công ty CP Armepharco 15%. Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty đã chuyển tiền góp vốn vào Công ty CP Dược phẩm Năm Tốt đủ 9,1 tỷ đồng theo cam kết. Các cá nhân mới chuyển cho Công ty 2.010.000.000 đồng phần còn lại chưa chuyển đủ cho Công ty theo thỏa thuận góp vốn. Công ty mới thành lập tháng 4 năm 2011, kết quả kinh doanh năm đầu tiên hoạt động Công ty lỗ 734.669.136 đồng, phù hợp với phương án kinh doanh trước khi thành lập nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư này.

<i>c- Đầu tư dài hạn khác</i>	-	22.000.000	-	22.000.000
Công ty CP Y dược VN (CPV) (3)		22.000.000		22.000.000

(3) Trong năm, Công ty nhận cổ tức bằng tiền từ đơn vị này là 17.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Năm 2012
(tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí Công cụ dụng cụ, thiết bị quản lý	1.187.816.480	2.009.385.740
Tổng cộng	1.187.816.480	2.009.385.740
9. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn VND	131.009.981.705	43.945.242.660
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (1)	83.774.702.076	17.533.455.851
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hà Thành	-	5.615.750.809
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (2)	15.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (3)	10.129.289.701	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - PGD Bến Thành Thái Thị Cẩm Hương	2.234.641.500	20.396.036.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Thành (4)	9.612.592.893	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Ba Đình (5)	10.258.755.535	-
Vay ngắn hạn USD	19.800.456.000	43.654.598.193
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên (1)	-	43.654.598.193
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Thành (4)	19.800.456.000	-
Vay ngắn hạn EUR	-	1.852.219.279
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên	-	1.852.219.279
Tổng cộng	150.810.437.705	89.452.060.132

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty không có tài sản đảm bảo và được sử dụng để bổ sung cho vốn lưu động của Công ty.

(1) Vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 170.11.053.5076.TD ngày 22/09/2011, hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng, lãi suất được ghi nhận cụ thể trong từng kế ước, thời hạn vay là 6 tháng.

(2) Vay theo Hợp đồng hạn mức số 05.11/2011/HDHM-PN/SHB.HN-NVC ngày 18/11/2011 trị giá 15.000.000.000 đồng, lãi suất vay được ghi nhận cụ thể trong từng kế ước, thời hạn vay là 6 tháng.

(3) Vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 151/2012/260 ngày 06/04/2012 trị giá 50.000.000.000 đồng, lãi suất vay được ghi nhận cụ thể trong từng kế ước, thời hạn vay là 6 tháng.

(4) Vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 686/HĐHMTD/TCB ký ngày 28/04/2012 trị giá 260.000.000.000 đồng, lãi suất vay được ghi nhận cụ thể trong từng kế ước, thời hạn vay là 4 tháng.

(5) Vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức trị giá 30.000.000.000 đồng, lãi suất vay được ghi nhận cụ thể trong từng kế ước, thời hạn vay là 6 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2012
Thuế GTGT đầu ra		1.325.820.932	1.372.898.706	
<i>Cơ quan Công ty</i>	(25.496.183)	122.630.183	97.134.000	-
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	52.764.917	291.528.347	321.054.847	23.238.417
<i>Chi nhánh TTKT TBYT</i>	90.714.198	-	90.714.198	-
<i>Chi nhánh Gia Lai</i>	-	26.721.128	26.721.128	-
<i>Chi nhánh TP HCM</i>	-	884.941.274	837.274.533	47.666.741
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		22.532.791.851	21.280.118.929	
<i>Cơ quan Công ty</i>	(62.756.772)	20.969.009.639	19.631.711.146	1.274.541.721
<i>Chi nhánh tp Hồ Chí Minh</i>	179.002.782	1.299.243.225	1.383.868.796	94.377.211
<i>Chi nhánh 2 tại TP HCM</i>	-	264.538.987	264.538.987	-
<i>XN 120</i>	-	1.588.629.665	1.588.629.665	-
Thuế GTGT hàng NK ủy thác		17.816.043.333	16.445.707.742	
<i>Cơ quan Công ty</i>	(192.116.243)	17.372.594.089	15.977.779.673	1.202.698.173
<i>Chi nhánh Hà Nội</i>	44.956.080	389.409.191	413.888.016	20.477.255
<i>Chi nhánh tp Hồ Chí Minh</i>	-	54.040.053	54.040.053	-
<i>XN 120</i>	-	5.998.464	5.998.464	-
Thuế xuất nhập khẩu	98.566.603	5.397.254.296	5.245.581.390	250.239.509
Thuế TTĐB	-	3.249.168	3.249.168	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.036.002.832	853.904.057	4.463.325.875	426.581.014
Thuế thu nhập cá nhân	17.686.495	233.308.412	206.767.362	44.227.545
Thuế môn bài	-	16.000.000	16.000.000	-
Thuế khác	-	161.892.265	-	161.892.265
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	280.369.198			3.545.939.851
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.519.693.907			
			31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
Trích trước chi phí bảo hành, chạy thử, vận hành máy X. Quang			-	500.000.000
Trích trước chi phí độc hại			32.308.916	-
Trích trước chi phí quảng cáo			11.090.000	-
Trích trước chi phí lãi vay			539.298.613	269.926.136
Tổng cộng			582.697.529	769.926.136
			31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
Kinh phí công đoàn			758.456.689	671.210.042
Bảo hiểm xã hội			1.992.072.205	441.155.965
Phải trả về cổ phần hoá			64.948.179.906	82.777.248.833
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn			4.166.747.141	4.284.205.750

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
(tiếp theo)

Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.514.446.760	21.074.149.664
Cục Tài chính - BQP	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức phải trả cổ đông	7.440.164.250	1.670.800.500
Công ty TNHH Y khoa Đỗ Thân	124.750.000	124.750.000
Medical Instrument System Co., Ltd	1.694.260.785	1.663.522.750
Nguyễn Văn Dũng	1.050.000.000	-
Đỗ Đình Ngọc	260.000.000	260.000.000
Đỗ Chí	700.000.000	350.000.000
Phải trả quỹ trợ cấp mất việc làm	1.321.392.516	-
Tiền thuế thu đất phải trả bộ quốc phòng	4.339.010.630	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.737.355.713	1.981.794.143
Dư có TK 141	847.512.866	23.282.271
Tổng cộng	107.379.902.701	109.247.970.254

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	130.000.000.000	-	130.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	18.090.348.072	18.090.348.072
Giảm khác	-	(112.500.000)	(112.500.000)
Số dư tại ngày 31/12/2011	130.000.000.000	17.977.848.072	147.977.848.072
Lãi trong năm nay	-	10.482.525.579	10.482.525.579
Giảm khác	-	(17.955.656.679)	(17.955.656.679)
Số dư tại ngày 31/12/2012	130.000.000.000	10.504.716.972	140.504.716.972
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Vốn góp của Nhà nước		66.300.000.000	66.300.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác		63.700.000.000	63.700.000.000
Cộng		130.000.000.000	130.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	130.000.000.000	130.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.079.884.214	112.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Năm 2012
 (tiếp theo)

đ) Cổ phiếu	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

e) Các quỹ của công ty	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2012	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	428.556.121	1.559.282.691	22.889.142	1.964.949.670
Quỹ dự phòng tài chính	428.556.121	1.559.282.690	-	1.987.838.811
Tổng cộng	857.112.242	3.118.565.381	22.889.142	3.952.788.481

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập theo Nghị quyết đại hội cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập theo Nghị quyết đại hội cổ đông và được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị, phù hợp với điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	870.827.182.498	872.618.744.985
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.488.358.909	13.847.618.235
Tổng cộng	893.315.541.407	886.466.363.220
15. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.322.755.756	3.374.062.458
Tổng cộng	1.322.755.756	3.374.062.458

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
 (tiếp theo)

16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	869.504.426.742	869.244.682.527
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	22.488.358.909	13.847.618.235
Tổng cộng	891.992.785.651	883.092.300.762
17. Giá vốn hàng bán	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	813.620.463.270	820.226.363.767
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.621.902.444	8.654.758.755
Xử lý hàng tồn kho, mất phẩm chất	252.371.953	-
Tổng cộng	833.494.737.667	828.881.122.522
18. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	371.374.951	1.425.707.989
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.872.739.525	4.762.347.554
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.597.793.430	1.141.940.713
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư có gốc ngoại tệ	153.415.330	-
Tổng cộng	9.995.323.236	7.329.996.256
19. Chi phí tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	5.855.690.163	5.121.642.324
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.316.522.841	925.624.629
Chi phí tài chính khác	1.454.961	74.354.454
Tổng cộng	7.173.667.965	6.121.621.407
20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Hoạt động chịu thuế TNDN 10%		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	6.533.210.000	-
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5.881.536.423	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	651.673.577	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	65.167.358	-
Hoạt động chịu thuế TNDN 25%		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	887.832.171.651	885.842.267.444
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	884.677.224.852	867.935.600.088

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Năm 2012
(tiếp theo)

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.154.946.799	17.906.667.356
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	788.736.700	4.476.666.839
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	853.904.057	4.476.666.839
21. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.247.410.104	127.604.457.638
Chi phí nhân công	31.743.526.825	25.917.972.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.117.411.719	9.833.397.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.032.252.870	15.911.274.780
Chi phí khác bằng tiền	13.286.474.607	8.307.348.067
Tổng cộng	209.427.076.125	187.574.450.995
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.482.525.579	18.090.348.072
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.482.525.579	18.090.348.072
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.000.000	13.000.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	806	1.392
VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp		
23. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bằng tiền thông qua bù trừ tiền hàng với liên doanh	877.833.336	1.644.398.996
VIII. Những thông tin khác		
1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Armephaco - Trung tâm kỹ thuật trang thiết bị y tế chấm dứt hoạt động từ ngày 23/3/2012 theo Quyết định số 273/QĐ-ARM ngày 23/3/2012 của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Armephaco để sắp xếp lại ngành nghề hoạt động của Công ty và các đơn vị.		
Chi nhánh Vinh - Nghệ An tạm dừng hoạt động 01 năm kể từ ngày 20/12/2011 theo Quyết định số 1611/QĐ-TCNS ngày 2/12/2011 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Armephaco.		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
 Năm 2012
 (tiếp theo)

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Giao dịch với các bên liên quan

	<i>Quan hệ với Công ty</i>	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Bán hàng cho			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	Bên nhận đầu tư	47.993.172.182	
Mua hàng của			
Công ty Liên doanh TNHH Sản xuất Bơm tiêm sử dụng 1 lần và DCYT	Bên nhận đầu tư	21.675.227.540	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	Bên nhận đầu tư	4.455.038.105	
Doanh thu tài chính			
Công ty Liên doanh TNHH Sản xuất Bơm tiêm sử dụng 1 lần và dụng cụ y tế	Bên nhận đầu tư	7.855.739.525	
Công ty CP Y dược VN (CPV)	Bên nhận đầu tư	17.000.000	

2.2 Số dư với các bên liên quan

	<i>Quan hệ với Công ty</i>	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	Bên nhận đầu tư	24.209.452.709	
Các khoản Phải thu khác			
Công ty Liên doanh TNHH Sản xuất Bơm tiêm sử dụng 1 lần và dụng cụ y tế	Bên nhận đầu tư	8.652.060.307	5.308.938.550
Phải trả người bán			
Công ty Liên doanh TNHH Sản xuất Bơm tiêm sử dụng 1 lần và DCYT	Bên nhận đầu tư	433.040.316	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Năm Tốt	Bên nhận đầu tư	3.910.630.061	

3. Những thông tin khác

3.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	1.235.504.000	999.353.346
Chi nhánh tại thành phố Pleiku, Gia Lai	2.350.777.117	106.521.482
Chi nhánh Công ty tại Vinh	-	48.457.500
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	16.196.753.337	15.158.851.766
Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	10.344.121.855	929.999.700
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	93.470.073	345.174.789
Trung tâm thiết bị y tế	-	4.168.470.925
Chi nhánh tại thành phố Hà Nội	3.088.480.578	23.762.990
Chi nhánh tại thành phố Hải Phòng	1.461.518.838	603.092.040
Cơ quan Công ty	265.221.815.006	185.358.621.571
Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	14.886.227.261	-
Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	3.605.683.800	-
Tổng cộng	318.484.351.865	207.742.306.109

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Năm 2012
(tiếp theo)

3.2 Trả trước cho người bán	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	515.807.388	849.865.833
Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	2.911.928.377	762.187.361
Chi nhánh tại thành phố Hà Nội	1.814.627.300	2.706.844.864
Cơ quan Công ty	27.079.777.606	77.768.600.179
Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	1.816.376.164	-
Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	174.944.250	-
Tổng cộng	34.313.461.085	82.087.498.237
3.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	3.446.854.271	2.068.027.338
Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	797.706.063	302.608.200
Chi nhánh tại thành phố Pleiku, Gia Lai	15.212.000	15.212.000
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	53.339.744	34.339.744
Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	200.327.530	-
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	287.178.000	45.964.000
Trung tâm thiết bị y tế	-	47.200.000
Cơ quan Công ty	770.145.657	941.112.689
Xí nghiệp Dược phẩm 120	66.629.283	-
Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	54.024.050	44.568.188
Xí nghiệp Dược phẩm 150 (COPHAVINA)	1.202.291.944	637.022.517
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.038.851.239	14.385.890.772
Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	25.659.630	44.817.100
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	4.885.706.108	4.423.632.820
Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	164.235.800	-
Trung tâm thiết bị y tế	-	-
Chi nhánh tại thành phố Hà Nội	142.020.162	708.530.535
Chi nhánh tại TP Hải Phòng	7.670.328	7.670.328
Cơ quan Công ty	5.813.559.211	9.201.239.989
Tổng cộng	14.485.705.510	16.453.918.110
3.4 Phải trả người bán	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi nhánh tại thành phố Cần Thơ	462.712.706	126.723.733
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	18.211.070.904	22.320.703.786
Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	4.229.005.502	3.457.385.366
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	143.942.366	48.157.250
Trung tâm thiết bị y tế	-	4.894.325.520
Chi nhánh tại thành phố Hà Nội	2.697.674.562	210.661.869
Chi nhánh tại thành phố Hải Phòng	-	562.425.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(tiếp theo)

Cơ quan Công ty	219.025.470.092	148.728.088.885
Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	12.068.895.620	-
Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	564.888.729	-
Chi nhánh tại thành phố Pleiku, Gia Lai	58.626.014	-
Tổng cộng	257.462.286.495	180.348.471.489
3.5 Người mua trả tiền trước	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi nhánh tại thành phố Pleiku, Gia Lai	-	19.023.170
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	1.351.863.664	8.511.355.793
Chi nhánh 2 tại thành phố Hồ Chí Minh	5.437.822.254	6.914.722.902
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	13.394.755	567.458
Chi nhánh Hà Nội	1.901.022.915	3.002.618.000
Cơ quan Công ty	58.935.588.795	107.137.253.831
Xí nghiệp Dược phẩm 120 (APHARMA)	1.357.471.363	-
Xí nghiệp Thiết bị y tế 130 (MEF)	46.906.000	-
Tổng cộng	69.044.069.746	125.585.541.154
3.6 Phải trả dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	2.234.452.000	2.234.452.000
Công ty Đầu tư - XNK Việt Nam	434.452.000	434.452.000
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Yên Khánh	500.000.000	500.000.000
Nhận tiền đặt cọc thuê Văn phòng phường 10	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Tư nhân Vina 34 đặt cọc	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	2.234.452.000	2.234.452.000
3.7 Chi phí bán hàng	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.601.156.930	7.693.028.848
Chi phí vật liệu, bao bì	460.620.832	493.996.927
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	534.477.258	357.934.493
Chi phí khấu hao TSCĐ	207.610.453	122.401.203
Chi phí bảo hành	-	111.800.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.091.227.947	9.729.521.331
Chi phí bằng tiền khác	4.924.264.362	2.744.320.555
Tổng cộng	32.819.357.782	21.253.003.401
3.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.004.041.454	3.545.623.558
Chi phí vật liệu quản lý	456.176.410	655.660.277

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012
 (tiếp theo)

Chi phí đồ dùng văn phòng	1.072.150.467	419.341.393
Chi phí khấu hao TSCĐ	959.813.263	786.804.735
Thuế, phí và lệ phí	4.362.322.194	42.414.497
Chi phí dự phòng	41.660.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.162.079.743	4.374.195.230
Chi phí bằng tiền khác	1.888.579.931	1.790.692.118
Tổng cộng	16.946.823.462	11.614.731.808
3.9 Thu nhập khác	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu tiền thanh lý tài sản	97.816.501	-
Tiền bồi thường bảo hiểm hàng hóa	21.093.850	-
Thu hồi công nợ phải trả	61.963.823	-
Thu tiền khách hàng chiết khấu	63.696.000	-
Các khoản Thu nhập khác	5.442.115	182.317.980
Tổng cộng	250.012.289	182.317.980
3.10 Chi phí khác	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	161.892.265	-
Tiền phạt chậm nộp BHXH	109.901.047	-
Hoàn trả Ngân sách nhà nước sau quyết toán dự án	79.038.000	-
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	71.837.594	-
Các khoản chi phí khác	44.435.758	167.120.949
Tổng cộng	467.104.664	167.120.949

3.11 Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN ARMEPHACO

Kế toán tổng hợp



Đào Ngọc Thạch

Kế toán trưởng



Bùi Viết Tuấn

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng